

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày 18 - 3 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thiên Việt và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Văn H, sinh năm 1986 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký thường trú: Thôn S, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: 01/12; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Lê Thanh X và con bà Nguyễn Thị T4; chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2023, hiện đang bị tạm giam – Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Chị Linh Thị H1, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn 09, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

- Anh Bàn Văn H2, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Anh Lý Văn V, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Anh Bàn Sinh H3, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
- Bà Bàn Thị T, sinh năm 1963;
Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
- Bà Đinh Thị L, sinh năm 1960;
Địa chỉ: Thôn 01, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.
- Chị Phạm Thị H4, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
- Chị Lý Ngọc T1, sinh năm 1992;
Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
- Anh Dương Phúc H5, sinh năm 1998;
Địa chỉ: Bon Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.
- Anh Triệu Văn Q, sinh năm 1979;
Địa chỉ: Bon Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.
- Chị Hoàng Thị H6, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
- Anh Lê Văn T2, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Thôn 03, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
- Chị Hoàng Mùi C, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
- Anh Triệu Văn H7, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Thôn 18, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk
- Anh Triệu Văn H8, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Thôn 18, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
- Chị Nguyễn Thị Tuyết P, sinh năm 1972;
Địa chỉ: : Thôn 10, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
- Chị Đặng Mùi M, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông..
- Chị Hoàng Thị C1, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Anh Triệu A K, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Bản Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Chị Hoàng Thị N1, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn 09, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

- Chị Triệu Thị P1, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn 09, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Các bị hại anh Lý Văn V, chị Phạm Thị H4 có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn tất cả các bị hại khác đều vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn T3;

Địa chỉ: Thôn S, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc – Có mặt.

Người làm chứng: Chị Bàn Thị H9, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Bon Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5 năm 2023, Lê Văn H đến sống chung cùng chị Bàn Thị H9 tại bon Đăk Huýt, xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức. Trong thời gian sinh sống, H nghe thông tin về việc có dự án cấp đất tái định cư tại xã Quảng Trực cho một số hộ dân là người tộc thiểu số phía Bắc bị ảnh hưởng do thiên tai, lũ lụt. Qua đó, H đã đưa ra thông tin gian dối: Tại xã Quảng Trực có dự án cấp đất của Bộ Quốc phòng cho người dân khó khăn, H có mối quan hệ với một số lãnh đạo của Bộ Quốc phòng nên có thể xin thêm một số suất đất, ai muốn được cấp đất thì phải nộp tiền phí làm hồ sơ cho H. Ban đầu, H chỉ nói với các hộ dân ở bon Đăk Huýt, xã Quảng Trực, nhưng sau đó, người dân truyền tai nhau nên số lượng người dân đến nộp hồ sơ cho H ở nhiều địa phương khác nhau. Khi nộp hồ sơ, H yêu cầu các hộ dân nộp kèm căn cước công dân bản photo, đối với nữ thì nộp thêm hình ảnh 3x4 và 4x6, đồng thời, mỗi hồ sơ đăng ký cấp đất phải nộp thêm lệ phí từ 25.000 đồng đến 1.530.000 đồng. Số tiền nộp khác nhau H giải thích với các hộ dân là do phụ thuộc vào vị trí đất như: đất mặt tiền, trung tâm, gần chợ, trường học... Sau khi các hộ dân nộp hồ sơ và tiền cho H thì H đều hứa hẹn về việc sẽ được cấp đất nền để làm nhà ở theo diện tích nhất định. Ngoài ra, còn có thêm đất canh tác hoa màu. Khu vực đất được cấp sẽ nằm ở gần đồn biên phòng Đăk Dang và đồn biên phòng Bu Prăng (đồn 10 và đồn 11), thuộc xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Trong thời gian từ khoảng tháng 8 đến đầu tháng 10 năm 2023, H đã nhận hồ sơ và tiền của nhiều người dân. Cụ thể như sau:

- Chị Linh Thị H1 đăng ký 03 suất. Trong đó, có 1 suất 1.530.000 đồng, 02 suất còn lại mỗi suất 400.000 đồng. Tổng số tiền H đã nhận của chị H1 là 2.330.000 đồng, kèm theo căn cước công dân (photo) và hình ảnh 3x4.

- Anh Bàn Văn H2 đăng ký 03 suất. Trong đó, 01 suất là 1.530.000 đồng và 02 suất, mỗi suất là 360.000 đồng. Tổng số tiền Lê Văn H nhận của anh H2 là 2.250.000 đồng.

- Anh Lý Văn V đăng ký 01 suất, với số tiền là 1.530.000 đồng.

- Anh Bàn Sinh H3 đăng ký 02 suất, mỗi suất 1.530.000 đồng, tổng số tiền là 3.060.000 đồng nhưng do không có tiền lẻ nên H đã nhận 3.200.000 đồng.

- Chị Bàn Thị T đăng ký 03 suất, 01 suất 1.530.000 đồng và 02 suất 720.000 đồng. Tổng số tiền H nhận của chị T là 2.970.000 đồng.

- Chị Đinh Thị L đăng ký 01 suất với số tiền là 720.000 đồng.

- Chị Phạm Thị H4 đăng ký 01 suất với số tiền là 720.000 đồng.

- Anh Lý Ngọc T1 đăng ký 02 suất, 01 suất với số tiền 1.530.000 đồng và 01 suất với số tiền 360.000 đồng nhưng không có tiền lẻ nên anh T1 đưa cho H số tiền 2.000.000 đồng.

- Anh Dương Phúc H5 đăng ký 12 suất, mỗi suất 360.000 đồng, tổng cộng là 4.320.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên, H còn nói với anh H5 là nếu muốn xin đất ở trung tâm, gần ngã ba, ngã tư thì phải đóng thêm mỗi suất là 1.500.000 đồng. Anh H5 tin lời H nên đã đóng thêm cho H số tiền 3.900.000 đồng. Tổng số tiền H nhận của anh H5 là 8.220.000 đồng.

- Anh Triệu Văn Q đăng ký 01 suất với số tiền nộp hồ sơ là 25.000 đồng. Ngoài ra, Q còn nhận và đóng giúp cho một người, cụ thể: Chị Hoàng Thị H6 01 suất 200.000 đồng, anh Lê Văn T2 01 suất 200.000 đồng, chị Hoàng Mùi C 01 suất 200.000 đồng, anh Triệu Văn H7 và em trai là anh Triệu Văn H8 đóng mỗi người 01 suất là 300.000 đồng. Ngoài ra, Q còn nhận thêm của 02 hộ (chưa xác định được nhân thân, lai lịch của bị hại) thêm 02 suất, mỗi suất 300.000 đồng và 03 hộ (chưa xác định được nhân thân, lai lịch của bị hại), mỗi suất 500.000 đồng. Tổng số tiền Lê Văn H nhận của anh Q là 3.325.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Tuyết P đăng ký 01 suất với số tiền 240.000 đồng, do không có tiền lẻ nên chị P đưa cho H 500.000 đồng. Sau đó, chị P đóng thêm 04 suất, mỗi suất 1.600.000 đồng. Tổng số tiền H đã nhận của chị P là 6.900.000 đồng.

- Chị Đặng Mùi M đăng ký 03 suất, 02 suất 240.000 đồng và 01 suất 1.530.000 đồng. Tổng số tiền H nhận từ chị M là 2.010.000 đồng.

- Chị Hoàng Thị C1 đăng ký 01 suất với số tiền 240.000 đồng.
- Chị Trinh Thị N đăng ký 02 suất, 01 suất 1.530.000 đồng và 01 suất 720.000 đồng. Tổng số tiền H nhận từ chị N là 2.240.000 đồng.
- Anh Triệu A K (tên gọi khác là Th) nhận từ chị Hoàng Thị Nh đăng ký 03 suất, mỗi suất 360.000 đồng, nhận từ chị Triệu Thị Ph 01 suất, với số tiền 360.000 đồng. Tổng số tiền K nhận đùm cho H số tiền 1.440.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Lê Văn H đã nhận của những người dân nêu trên là 40.095.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 10/CT-VKS-TĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đã truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Đức giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/10/2023.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã tiến hành truy tìm căn cước công dân của các hộ dân và số ghi chép về việc nhận hồ sơ, tiền từ các hộ dân của Hiền nhưng không tìm được.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 30.860.000 đồng. Một số bị hại có đơn không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết. Còn 02 bị hại là chị Hoàng Thị H6 và chị Hoàng Mùi C có yêu cầu bị cáo trả lại cho mỗi người số tiền 200.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả số tiền trên cho chị H6 và chị C nên cần ghi nhận và buộc bị cáo phải trả cho chị Hoàng Mùi C và chị Hoàng Thị H6 mỗi người số tiền là 200.000 đồng.

Đối với chị Bàn Thị H9 sinh sống cùng bị cáo và biết bị cáo nhận tiền của các hộ dân. Anh Triệu A K có hành vi nhận tiền của chị Hoàng Thị Nh, chị Triệu Thị Ph để đưa cho bị cáo và anh Triệu Văn Q nhận tiền của chị Hoàng Thị H6, chị Hoàng Mùi C, anh Lê Văn T2, anh Triệu Văn H8. Tuy nhiên, chị H9, anh K, anh Q không biết bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo nên không có căn cứ xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến đầu tháng 10 năm 2023, Lê Văn H đã đưa ra thông tin gian dối, có quan hệ với lãnh đạo Bộ quốc phòng nên có thể nhờ xin thêm được đất tái định cư tại xã Quảng Trục cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện khó khăn để nhận hồ sơ, kèm theo tiền của nhiều người dân trên địa bàn xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức; xã Thuận Hà, huyện Đắk Song và một số địa phương khác. Tổng số tiền Lê Văn H đã nhận từ 22 người dân là 40.095.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lê Văn H phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội do bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, gây tâm lí hoang mang, lo lắng trong cộng đồng dân cư, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ có khả năng nhận thức và năng lực trách nhiệm hình sự nhưng do ý thức coi thường pháp luật, chỉ vì mục đích vụ lợi cá nhân bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của nhiều người dân nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại và các bị hại cũng có đơn đề nghị xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[6] Về hình phạt: Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều người, dù mỗi người bị cáo chiếm đoạt số tiền không lớn. Tuy nhiên, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 30.860.000 đồng. Ngoài ra, một số bị hại có đơn không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập giải quyết. Còn các bị hại là chị Hoàng Thị H6 và chị Hoàng Mùi C có đơn yêu cầu bị cáo phải trả lại cho mỗi người số tiền 200.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả số tiền 200.000 đồng cho chị H6 và trả 200.000 đồng cho chị C nên cần buộc bị cáo phải trả cho chị Hoàng Mùi C và chị Hoàng Thị H6 mỗi người số tiền là 200.000 đồng.

Đối với số tiền 30.460.000 đồng anh Lê Văn T3 (là em trai của bị cáo) đã bồi thường cho các bị hại giúp cho bị cáo nhưng tại phiên tòa anh T3 không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không đề cập giải quyết.

[8] Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã tiến hành truy tìm căn cước công dân của các hộ dân và sổ ghi chép về việc nhận hồ sơ, tiền từ các hộ dân của Lê Văn H nhưng không tìm được nên không có căn cứ xử lý.

[9] Đối với chị Bàn Thị H9 sinh sống cùng bị cáo và biết bị cáo nhận tiền của các hộ dân. Anh Triệu A K có hành vi nhận tiền của chị Hoàng Thị Nh, chị Triệu Thị P để đưa cho bị cáo và anh Triệu Văn Q nhận tiền của chị Hoàng Thị H6, chị chị Hoàng Mùi C, anh Lê Văn T2, anh Triệu Văn H8. Tuy nhiên, chị H9, anh K, anh Q không biết bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo nên không có căn cứ xử lý.

[10] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H **01** (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/10/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Văn H phải trả cho chị Hoàng Mùi C số tiền là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) và chị Hoàng Thị H6 số tiền là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và các bị hại chị Chàn và chị Hương có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi tương ứng với lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV06, PC10 - CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Công an huyện Tuy Đức;
- Bị cáo;
- Các bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nông Văn Nhu